

NGÔN NGỮ VÀ VĂN HOÁ CÁC DÂN TỘC THIỂU SỐ

KẾT CẤU VĂN BẢN THEN TÀY

THE STRUCTURE OF TAY'S THEN LYRIC

ĐINH THỊ LIÊN

(ThS, ĐHSP, Đại học Thái Nguyên)

Abstract

Structuring is to organize and arrange elements that helps any work most effectively express its contents and ideas. By examining Then Lyric structure, the author figures out its 3 main features: solo song, matching song and intermatiate song which makes Then songs really interesting stories with diversified, attractive circumstances and mystery.

1. Hát then và gảy đàn tính là một trong hai thứ “đặc sản” tinh thần của hai dân tộc Tày và Nùng ở vùng Đông Bắc, chủ yếu là 6 tỉnh Việt Bắc: Cao – Bắc – Lạng – Thái – Tuyên – Hà, và một phần của Bắc Giang, Quảng Ninh, Yên Bái. Ngày nay, làn điệu then và cây đàn tính đã theo dòng bào Tày, Nùng vào làm ăn ở một số tỉnh phía nam.

Then được gọi bằng nhiều tên khác như: *vít, put, dăng, vít*,... tùy từng vùng, nhưng tên thông dụng nhất là “then”. Có thể quan niệm chung về then như sau: *Then là một loại hình diễn xướng dân gian tổng hợp bao gồm lời ca, âm nhạc, múa, trò diễn... được thực hiện trong nghi lễ có từ lâu đời, được quần chúng ưa thích, giữ một vị trí quan trọng trong di sản văn hóa nghệ thuật truyền thống của hai dân tộc Tày, Nùng.*

Then là một kho tàng lưu giữ những nét văn hóa độc đáo của người Tày trong suốt chiều dài phát triển lịch sử của dân tộc này. Giá trị ấy được phản ánh qua những lời then cổ còn được lưu giữ đến hôm nay nhờ sự kì công sưu tầm, nghiên cứu của các nghệ nhân, các nhà nghiên cứu văn hóa dân gian. Trong số những bản then còn lưu đến ngày nay, phải kể đến một công trình sưu tầm khá công phu và đầy tâm huyết của nhà nghiên cứu văn hóa dân gian Tày – Hoàng Triều Ân với cuốn *Then Tày những khúc hát*. Ông đã ghi chép lại những khúc hát then (chủ yếu là *Khúc hát then cúng bái*). Cụ thể, đó là những khúc then trong *Lễ kì yên, cầu chúc* và *Then lễ hội* mà ông trực tiếp sưu tầm được ở thầy Dăng làm then tên Hoàng Ích Khái (pháp danh là Hoàng Hưng) quê ở Nga Ô, Thượng Lang - Cao Bằng, nay là Bản

Mom, xã Đàm Thủy, huyện Trùng Khánh, tỉnh Cao Bằng..

Trong bài viết này, chúng tôi bước đầu tìm những đặc điểm chung trong kết cấu và các dạng kết cấu thường gặp trong các khúc then Tày, được thể hiện qua văn bản *Then Tày những khúc hát* của tác giả Hoàng Triều Ân. Qua đó, người viết hi vọng góp phần khẳng định giá trị văn học của thể loại văn nghệ dân gian đậm chất linh thiêng, huyền bí, và đồng thời cũng nhằm tôn vinh vốn tài sản văn hóa vô giá này của người Tày.

2. Đặc điểm chung

Khảo sát tác phẩm *Then Tày những khúc hát*, có thể thấy số câu trong mỗi khúc hát không như nhau (cụ thể các khúc hát có số câu như sau: *Roong hương* (327 câu); *Vọng cảnh* (294 câu); *Phóng lệ* (366 câu); *Lập bình* (110 câu); *Cống sứ* (379 câu); *Cải kiền cầu tự* (247 câu); *Tạ tông đường* (46 câu); *Giải tạ phá thương phá khắc* (84 câu); *Giải khắc* (119 câu); *Tiến hoa thánh mẫu* (123 câu); *Quang bán* (85 câu); *Cải cầu hào quang* (93 câu); *Lập phủ Thành Lâm* (378 câu); *Lục vĩa hào quang* (113 câu); *Soạn lệ khẩu cung Ngọc Hoàng* (1242 câu); *Sắc cấp* (71 câu); *Toong khánh khảo giường* (441 câu); *Thăm mủ hầu giường sớ* (188 câu); *Dinh Thành Thế* (186 câu); *Pất ngoảng* (202 câu); *Vật Giả Gín* (336 câu); *Piốc Pú Cấy* (76 câu); *Khảm hải* (663 câu); *Mường bản* (148 câu); *Tổng tiên* (27 câu); *Tảng phya Xu Mi* (293 câu); *Hồ Vinh* (214 câu); *Báo sao kén chụ* (173 câu); *Đổi thoại then hài* (68 câu); *Khao noong khao nằng* (463 câu); *Rườn Then Dăng* (189 câu)).... Như vậy, chỉ có 7 khúc hát dưới 100 câu,

ngắn nhất là khúc *Tổng tiên* (27câu), 24 khúc hát còn lại trên 100 câu, dài nhất là khúc *Soạn lệ khẩu cung Ngọc Hoàng* gồm 1242 câu chia làm bốn phần rõ ràng. Nhìn khái quát, rõ ràng tính chất “không ngắn gọn” là một đặc điểm dễ nhận thấy nhất và bao trùm nhất trong then.

Trong 10 khúc hát thuộc *Lễ then kì yên, cầu chúc* và 21 khúc then thuộc *Lễ hội Dàng then* (Then cấp sắc, then lễ hội, Lầu put), diễn xướng then nói chung được tiến hành theo một mô thức nhất định đã góp phần làm nên tính trình tự nhất quán của nghi lễ từ đầu đến cuối. Đó là một chu trình trình khép kín các hoạt động văn hóa tín ngưỡng được thực hiện trong một loạt các vấn đề từ tổ chức sắp xếp nhân lực bao gồm cả thần thánh, thầy then, người phụ lễ đến bố trí không gian diễn xướng. Dưới đây là thứ tự các khúc hát trong *Lễ kì yên, cầu chúc* trong một cuộc làm then, được như vậy mới đảm bảo cho nghi lễ thật sự vẹn tròn. (1) *Rộng lương*; (2) *Vọng canh*; (3) *Phóng lệ*; (4) *Lập binh*; (5) *Cống sư*; (6) *Cải kiều cầu tự*; (7) *Tạ tông đường*; (8) *Giải tạ phá thương phá khải*; (9) *Giải khải*; (10) *Tiến hoa thánh mẫu*.

Như vậy, nội dung chính của các lễ then đều theo một kết cấu chặt chẽ, bên cạnh đó còn bổ sung thêm những khúc hát mang tính linh hoạt theo mục đích của từng cuộc then.

Trong *Lễ hội Dàng Then*, lộ trình đi của then tương đối logic. Đặc trưng của *Lễ hội Dàng then* là kể về hành trình của quân then phải lên Ngọc Hoàng xin cấp sắc, trên đường đi phải làm gì, gặp những gì phải vượt qua, ... nên lời then phù hợp với thứ tự trong kết cấu của lễ hội rất chặt chẽ (căn cứ vào hành trình của quân then): (1) *Quang bán*; (2) *Cải cầu hào quang*; (3) *Lập phủ Thành Lâm*; (4) *Dinh Thành Thế*; (5) *Pất ngoạn* (6) *Vật Giả Gìn*; (7) *Piốc Pú Cậy*; (8) *Khảm hải*; (9) *Khao noọng khao năng*; (10) *Mường bân*; (11) *Tổng tiên*; (12) *Hồ Vinh*; (13) *Lọc vĩa hào quang*; (14) *Soạn lệ khẩu cung Ngọc Hoàng*; (15) *Toổng khảnh khảo giường*; (16) *Sắc cấp*; (17) *Thủm mùi hầu giường sớ*; (18) *Tăng phya Xu Mi*; (19) *Báo sao kén chụ*; (20) *Đổi thoại then hải*; (21) *Rườn Dàng then*.

Về hình thức, lời hát then chủ yếu được sáng tác theo thể văn vần dựa trên đó thầy then có thể hát, xướng, đọc, hoặc tụng niệm. Lời thơ dùng để hát và giai điệu lời hát được căn cứ vào từng thể thơ, còn nhạc đệm thì phù thuộc vào giai điệu hát. Như vậy, lời là thành

phần quan trọng tạo nên nghệ thuật biểu diễn âm nhạc then.

Những khúc then được cấu tạo theo nhiều thể thơ khác nhau. Điều dễ nhận thấy là các then diễn xướng chủ yếu bằng thể 7 tiếng, 5 tiếng kết hợp với 7 tiếng, và sự sáng tạo linh hoạt được thể hiện trong thể hỗn hợp (1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, ... 12 tiếng). Khi hát then, ngoài lời hát còn là âm thanh của cây đàn tính ngân vang trong đêm thanh tĩnh, cùng với tiếng của chùm kim khí vui tươi, rộn ràng, tạo nên không khí vừa linh thiêng, huyền bí vừa ngây ngất mê say.

Trong kết cấu các khúc hát then, ngoài tính chất cố định còn một số bài có cấu trúc tựa như một câu chuyện. Câu chuyện ấy được thuật qua lời thoại của thầy then (độc thoại). Đó là những tích truyện gắn với đời sống văn hóa tinh thần của người Tày như: *Rộng lương, Hồ Vinh, Tiến hoa thánh mẫu*. Có những truyện gắn với lịch sử phát triển của dân tộc Tày với ý nghĩa sâu sắc truyền đến muôn thế hệ: khuyên con người phải chăm lao động; chị em phải yêu thương, đùm bọc lấy nhau; ăn ở hợp vệ sinh; nhớ ơn tổ tiên đã sinh ra mình, ... Một số khúc hát có mở đầu, diễn biến và kết thúc theo kết cấu của thể loại truyện (như khúc hát *Hồ Vinh*). Ngoài ra có kết cấu một câu chuyện kể còn còn phải kể đến những khúc hát như: *Lập phủ thành lâm; Khảm hải; Piốc Pú Cậy*, ... Yếu tố cốt truyện trong một khúc hát then thường là điểm nhấn làm cho lời ca thêm uyển chuyển, lúc bổng lúc trầm mà vẫn liên kết với nhau rất chặt chẽ, tình tiết truyện phát triển theo những khúc hát cứ tiếp nối nhau khiến cho người dự lễ có cảm giác như đang được nghe một câu chuyện có kết cấu chặt chẽ, cốt truyện li kì, hấp dẫn. Trong đó, yếu tố trữ tình làm cho lời ca vừa đáp ứng được nhu cầu tâm linh lại vừa bày tỏ được tâm tình, mà đã bày tỏ thì phải cần kể nên lời thơ của then cứ kéo dài nghe như lời diễn giải, mở đường cho chất tự sự tràn vào lời ca, cũng như vậy mà người nghe hiểu được sự tình trong mỗi khúc hát:

<i>Mà lǎng tǒi ché độ Thần Nông</i>	(Sau về đến chế độ Thần Nông)
<i>Sinh mù noọng Thị Xuân gian tá</i>	Đời có nàng Thị Xuân gian trá
<i>Vì nhình cấp noọng nǎ cheng phua</i>	Chị gái cùng em đi tranh chồng
<i>Gim vǎn lo vì thua lựp châu</i>	Ngày đêm lo chải đầu búi tóc
<i>Chường thua bǎu nǎp khẩu tǎn dǎn</i>	Lo điểm trang không đón thóc về dưới sân

*Hiện thị nằng cầm gòn mùa
nặng* Nằng còn vác cái đòn tời
đánh
*Muối khẩu phó tan tành vắn
piền...* Hạt thóc vỡ thành nhiều hạt
tám...)

[NL; 334-335]

Tính hài cũng là yếu tố tạo nên trò diễn trong hát then làm cho kết cấu trong then thêm sinh động, hấp dẫn. Điều này làm cho then bên cạnh phần lễ linh thiêng còn có cả phần hội sôi nổi, ngập tràn tiếng cười giòn tan phá tan bầu không khí tĩnh mịch trong đêm miền núi (*Then hài đối thoại*).

Tính lặp lại trong văn bản then được xem như một phương tiện liên kết văn bản. Tính lặp ở đây biểu hiện ở cả ba thành tố trong văn bản: lặp từ, lặp ngữ và lặp cấu trúc. Dưới đây là các dẫn chứng tiêu biểu cho tính lặp trong then:

Óc pây khảm tu ngược cầu đưa
Óc pây khảm tu sua cầu khẻo
Quá khảm tu lọt lẹo pây mà
Quá khảm tu xuống ca bát vận
Quá khảm tu bạch vân hom bioóc... [NL; 612]

Tính lặp trong văn bản then tạo thành sự liên kết văn bản trong lời hát và trong việc tạo nên tiết tấu, nhịp điệu; đồng thời giúp mau thuộc mà và không cần suy nghĩ, tìm cách diễn đạt khác. Với các lời ca dài có sẵn theo quy định, những chỗ lặp lại giúp nhớ được lời hát cần phải học thuộc.

3. Các dạng kết cấu

3.1. **Kết cấu một chiều** là kết cấu liên kết một lượt lời ca do một chủ thể phát ngôn diễn xướng, thường là những lời khấn, tụng niệm. Trong hát then, kết cấu một chiều được sử dụng để liên kết những lời ca, câu khấn liên tiếp của thầy then mà không có lời đáp. Dạng kết cấu này khá phổ biến trong hát then, đặc biệt là ở những khúc tụng niệm, khấn bái (những khúc giữ vai trò là linh hồn của khúc hát then cúng bái) tiêu biểu nhất là khúc then *Sắc cấp*. Cụ thể là: trong 31 khúc có tới 16 khúc theo lối kết cấu này.

Trong *Lễ kê yên, cầu chúc*, khúc hát *Rộng lương* được viết theo thể hỗn hợp (câu dài ngắn đan xen) được dùng với mục đích cúng bái. Lời khai giọng của then cũng chính là lời mời các chư tướng, tiên tổ xuống hội yên:

Niệm... niệm... (Niệm... niệm...
Ái hồi...oi...a... Ái hồi...oi...a...

Hồi...oi... Hồi...oi...
Ái hồi...a...hồi...oi... Ái hồi...a...hồi...oi...
Niệm... niệm... Niệm... niệm...
Niệm sơn nãi luyện cái giá Xin mời các bề trên
Khảm khoan mọn nãi thăng Có bài tiện then xin van
nài tới
Cải tân bản sắc Cấp trên cấp sắc
Hương yên nội tiếp thăng... Khói hương đã tiếp lên
Mình mọn tiếp đồng tâm on Mình tiện then đội on
tân các bậc
Bân phép đức thăng bán Trời cho phép dâng lên
Thích Ca bần thờ Thích Ca
Sá...yến nội lòng tiếp số... Xin các sư xuống đây
tiếp số...)

[NL; 327]

Trong đoạn then trên sẽ thấy rằng đây đơn thuần chỉ là lời của thầy then đang niệm mời các chư tướng xuống hội yên, câu trước liên kết với câu sau tạo thành một phát ngôn mà không có lời đáp. Bên cạnh đó, kết cấu một chiều còn được sử dụng khi then thay lời gia chủ xưng danh trước thánh thần, tiên tổ trong mỗi cuộc làm then. Ví dụ:

Hương kim cử Đại Nam (Nay xin căn cứ nước
quốc Việt Nam
(Mọ) tỉnh (Mỗ) tỉnh
Phường (Mọ) tóc mà đăn Phường (mỗ) đặt chân đất
rườn tổ tổ tông
Họ (Mọ) gia... Họ (Mỗ) gia...)

[NL; 329]

Kết cấu một chiều còn được sử dụng để thể hiện sự khấn cầu, ngấn tà cảm quý của then. Bởi then hơn những người thường ở chỗ hiểu được đạo trời và là người môi giới thánh thần, tổ tiên, Ngọc Hoàng với người trần, có khả năng nói chuyện được với các loại ma:

Vụ đeo cảm pha táng (Nào cảm cả cánh của số
Bầu cảm dầm thư bán Không cảm cao cao tổ
Bầu cảm tằm thư rườn Không cảm các vị quản nhà
Cảm là cảm phi mang Cảm là cảm nơi thề
Làn là làn phi mật Ngấn là ngấn ma chết
thương
Ngoại tà bầu hẩu nhập Ngoại tà không cho nhập
giat rung... vào nhà...)

[NL; 253]

Đó còn là những lời kể lễ tâm sự của then muốn gửi gắm đến những người đang tham dự buổi lễ với mục đích khuyên răn, giáo dục: Con người phải chăm lao

động; ăn ở hợp vệ sinh; nhớ ơn tổ tiên đã sinh ra mình. ...

Lục lan đầy kìn bầu lùm thú (Con cháu được ăn không quên đũa
Đầy giúi bầu lùm công Được ở không quên ông
Bầu lùm công tiên tổ... Không quên công tiên tổ...)

[NL; 331]

Một số khúc hát có **Kết cấu một chiều** trong *Lễ hội Dâng then* cũng thường là lời tâm sự, lời mời gọi của thầy then hay một nhân vật nào đó đang thờ than mà không có lời đáp. Nhiều khi là những lời dăn dò, lời an ủi của quân then với người thân, hay thể hiện tâm trạng mệt mỏi nhiều khi sợ hãi của quân then khi gặp rừng sâu, núi cả. Và cũng qua những khúc hát có kết cấu một chiều, người đọc thấy được sự chu đáo và lòng tôn kính của then trong việc bày biện, lựa chọn những gì tinh khiết nhất để bày lên bàn thờ tổ tiên hay ông tổ nghề nghiệp.

Tóm lại, nội dung trong những khúc hát có kết cấu một chiều thường là những lời tụng niệm, tiễn đưa thánh thần, tiên tổ về chốn linh thiêng và cũng có thể là những lời khấn chúc, lời xưng danh, kể lễ, tâm tình do thầy then đảm nhiệm từ đầu đến cuối một khúc hát mà không hề xuất hiện lời đối đáp nào.

3.2. **Kết cấu đối đáp** là dạng kết cấu gồm những lời thoại, gồm hai hay nhiều lượt lời trao đáp, tương tác với nhau, do hai chủ thể cùng thực hiện hành động. Điều này làm cho *Lễ hội Dâng then* vừa mang tính chất tôn nghiêm của lễ lại hòa quện với cái vui vẻ, đầm ấm của hội: vừa có tụng niệm, vừa có hát múa lại có cả trò diễn. Ví dụ *Then lễ hội* bởi có yếu tố lễ nên khác với *Then kỳ yên cầu chúc* ở một đặc trưng nổi bật đó là sự hiện diện của kết cấu đối đáp (tuy với số lượng ít 2/21 khúc), tiêu biểu là khúc *Toống khánh kháo giường*, Say (thầy Cả) đứng đầu trong *Lễ hội Dâng then* để cấp sắc cho giường (then sắp được thăng cấp) được làm then hoặc thăng cấp cho then Dâng. Trong bài này, thầy Cả làm lễ, đưa giường vào nhiều thử thách bằng cách đưa ra một loạt vấn đề có tính chất vấn - đáp để qua đó xác nhận tư cách của giường sở. Kết cấu hỏi - đáp được thầy Cả hỏi xoay quanh những vấn đề liên quan đến nghề then, kết thúc câu hỏi là cụm từ dùng để hỏi là: *phải không? đúng không?* Người được hỏi chỉ trả lời khẳng định hay phủ

định chứ không cần phải giảng giải nhiều lời. Hình thức câu hỏi rất dài, người hỏi càng muốn khẳng định bao nhiêu thì người trả lời càng cương quyết phủ nhận bấy nhiêu. Đặc điểm câu đáp rất ngắn gọn mà rõ ràng, rất lễ độ. Chẳng hạn:

Lặng lặng pây tha đin hạ giới Lặng lặng đi xuống vùng hạ giới
Lầu khin ky cảm rất Chén rượu giữ thật chặt
Trà khin tất cảm thi bầu? Chén trà đặt lên còn giữ mãi, phải không?

(*Bầu nao.*) (Không phải thế đâu ạ.)
Pân lẩu pây đái ma Nấu rượu thì mắng chó mèo
Pân dà pây đái lúc, rụ đây Nấu rượu lại mắng mỗ con, phải không?

(*Bầu đái nao.*) (Không phải thế đâu ạ.)
Lầm thư pát, thư cạy đây òa Điều hầu bắt vịt bắt gà đi xua đuổi

Sua thư mu chang nà đây Hồ bắt lợn trong ruộng thì
vuốt bầu? đuổi, có đúng không?
(Khỏi đây vuốt, đây òa.)... (Làm vậy đúng ạ.)...

[NL; 505]

Để tăng thêm không khí còn có khúc *Đổi thoại then hài*. Đây là khúc hát mang tính hội rõ nét nhất và cũng là khúc hát thể hiện **kết cấu đối đáp** nổi bật nhất. *Then hài đổi thoại* kể về cuộc gặp gỡ giữa một người đàn ông Giang với then. Người Giang kể cho then biết vợ đang dệt vải có bạn bè đến nói chọc ghẹo bằng tiếng lóng. Then giảng giải đó là những câu đố dân gian về khung cửi và dệt vải thời. Then hỏi người Giang mang túi gì. Người Giang nói tục tĩu. Để tạo ra tính hài, tác giả dân gian đã tạo ra ra tình huống hiểu lầm do bất đồng ngôn ngữ mà ra. Cái tạo nên sự hài hước chính là nhân vật người Giang đã sử dụng ngôn ngữ có ý tục tĩu nhưng qua lời giảng thanh của thầy then mà người xem mới vỡ lẽ họ không hiểu nhau chẳng qua là do bất đồng ngôn ngữ, tiếng cười từ đó òa ra. Qua lời đối đáp, không khí lễ hội càng tung bùng, hấp dẫn do những tiếng cười sảng khoái vì sự hiểu lầm mang lại. Nói tục mà giảng thanh lại càng thú vị. Đoạn trích dưới đây sẽ minh chứng cho điều vừa nói ở trên:

...

Then giảng hò Giang:

- *Vận nẩy mầu pây pua là câu hăn đây lo, tọ mầu tái tây ca rằng cái vận nẩy?*

Hò Giang tốp khẩu tây, cẳng:

- *Ôi, tổng nghe phù quan, tẩy khỏi lẽ cả vầy hoài
đeo, vầy luốt đeo.*

- *Ái, cả tẩy màu răng mù vầy hoài, vầy luốt vận nấy
à? Vận nấy khay ngời?*

- *Ờ, khay mí đầy vớ. Mền xinh nàng tiên mà khay.*

*Then au tính mà tới, xinh nàng tiên. Vừa tới tính vừa
hát:*

- *Mời thông nọng tiên hóa, tiên bioóc. Mời nọng
lồng khay tẩy ngời đầu, lồng khay tu ngời nhóm. Tự mạn
bình định. Ké!*

Tẩy khay oóc, then tẩy tha:

- *Ờ, kháng phải lải giầy, thêm kháng phải bioóc mớ.
Phải lải mầu phướn vầy hoài, phải bioóc mầu cảng vầy
luốt mớ. Mầu phướn bố rọ dài. Lụa sam toám lẽ kéo trờ,
phỉe sam sôm lẽ kéo lầu, kéo au lầu au lẹ mùa mường,
quát au hương au hoa mùa phủ mùa ddieng là đây a.
Mầu tó tua gần đấy, chẳng qua mầu phướn bầu rọ lẽ
vận đầu i [NL; 630]*

...

(Then khen anh chàng người Giang:

- *Vậy thì mày đi cúng lễ tao thấy tốt đấy. Nhưng mà
đeo cái túi gì mà to vậy?*

Người Giang vỗ vào vai túi nói:

- *Ôi, túi mang lễ cho then (quan), túi tôi chỉ có vầy
hoài (cặc trâu đực), vầy luốt (cặc trâu lòi ra) thôi.*

- *Ái, cái dây mày sao có “cặc trâu đực, cặc trâu lòi
ra” thế vậy? Vậy thì mở xem?*

- *Ờ, mở không được đâu. Phải mời nàng tiên về mở.*

*Then nâng đàn tính lên gảy, mời nàng tiên. Vừa gảy
đàn vừa hát:*

*Mời đến em tiên hoa, tiên bioóc. Mời nàng xuống
mở túi ra xem, xuống mở cửa ra nhìn. Tự mạn bình
định. Còi!*

Túi mở ra, then ngơ ngạc:

- *Ờ, tám vải hoa thôi, thêm tám vải nự (hoa) nữa. Vải
hoa (phải lải) mày nói cặc trâu (vầy hoài), vải nự (phải
bioóc) mày nói cặc trâu lòi ra (vầy luốt) thôi. Mày nói
không rõ đây mà. Lụa ba tấm thì để dâng trà, là lụa ba
mảnh là để bung rượu. Bung lấy rượu lấy lễ về mường,
dọn lấy hương lấy hoa về phủ, về điện là hay đấy. Mày
cũng là người tốt đấy, chẳng qua mày nói không rõ thì
vậy thôi).*

Những khúc hát có kết cấu đối đáp, với những câu
đối - đáp vừa liên tục vừa gián đoạn đã góp phần làm
cho những khúc then thêm uyển chuyển. Bên cạnh đó

còn phản ánh được năng lực ứng khẩu khôn khéo và
tính hài hước của người Tày.

3.3. **Kết cấu trung gian** không rõ ràng là **kết cấu
một chiều** mà cũng không hoàn toàn là **kết cấu đối
đáp**. Với những khúc hát này, thầy then vừa đóng vai
là người diễn xướng, vừa có vai trò thay lời Ngọc
Hoàng phán truyền, vừa xuất hiện các nhân vật trao
đáp với nhau. Trong 31 khúc hát, chúng tôi thống kê
được 13 khúc hát có kết cấu thuộc loại này. Dưới đây
xin đưa ví dụ để thấy rõ thể nào là **kết cấu trung gian**:

Trong khúc *Khám hải* (tiếng Tày có nghĩa là vượt
biển) miêu tả đoàn quân then vượt biển cả mênh
mông, đường đi dài hàng ngàn dặm, để đưa lễ vật lên
cổng mường trời. Đường đi vất vả, tâm lí tình cảm
từng hạng người trong khúc hát rất khác nhau.

Mở đầu khúc hát là những lời miêu tả quang cảnh
bờ biển mênh mông, lạnh lẽo:

<i>Mùa thông bến hải há nậm kim</i>	(Về đến bến hải hà nước vàng
<i>Tiên thông rìm nậm pé</i>	Tiên đến chốn nước biển
<i>Từ bích nậm hải tế mênh mông</i>	Bốn bề nước biển mênh mông
<i>Lừa khủn thêm lừa lỏng khoai khoai</i>	Thuyền lên thêm thuyền xuống nhanh nhanh
<i>Vô số lừa bích ba cai pé</i>	Vô số thuyền đậu quanh bờ biển
<i>Quân quốc kéo nì rọi bến sông</i>	Quân quốc kéo tập nập bến sông
<i>Gán cấp nậm mênh mông lại lạng...</i>	Người với nước mênh mông lại lạng...

[NL; 566]

Tiếp theo là những lời miêu tả cảnh các chúa
xuống voi, xuống ngựa để nghỉ ngơi, hút thuốc, ăn
trầu. Trong lúc đó các thầy truyền bảo viết sớ về
Ngân Hà giục quân chèo thuyền (quân sông).
Những đoạn này đơn thuần chỉ là lời trần thuật của
then. Ở những đoạn tiếp của khúc hát là sự kết hợp
giữa miêu tả kết hợp với lời đối đáp của các nhân vật:
vợ - chồng sông, các chúa - yêu tinh, ... Kế tiếp khúc
hát lại là lời miêu tả đoàn quân then vượt lên các quãng
sông đầy hiểm nguy đầy quỷ tà, ma quái, tâm trạng
của mỗi người trong đoàn quân ấy được tả rất khác
nhau. Và kết thúc khúc hát là những lời ca nêu lên nỗi
cực khổ của vợ chồng phu chèo thuyền lúc chia tay
được thể hiện dưới những lời than thở của người vợ trẻ
lúc hai người còn sống với nhau. Bằng kết cấu đối đáp,

lời dặn dò của vợ chồng phu chèo thuyền làm người
đọc cũng buồn man mác:

<i>Vĩ pây và hồi sảo</i>	(Anh đi chẵn vắt lên sào
<i>Vĩ tẻ sáng đắc đạo thuôn</i>	Anh còn dặn đạo lí hết lời
<i>gầm</i>	
<i>Dậu thân bầu vắn rắng</i>	Dậu thân chẳng ra gì sẽ chết.
<i>gỏi veng</i>	
<i>Sắng se rắng nộc én</i>	Dặn đề tổ chim én
<i>Sắng se đến lòi va</i>	Dặn đề cái đèn hoa
<i>Khỏi pây nhằng đảy mà</i>	Tớ đi còn được về là họa
<i>là họa...</i>	...
<i>Sinh mà bầu chắc án pi</i>	Sinh về không biết đếm
<i>bươn</i>	năm tháng
<i>Sinh lòng bầu giữ rườn tó</i>	Sinh về không ở nhà đến
<i>ké</i>	già
<i>Khuóp pi bầu muối khẩu</i>	Quanh năm không hạt thóc
<i>về lòng đin</i>	giống xuống đất
<i>Rằng rọng hát rườn kin</i>	Sao gọi là có gia đình với họ
<i>đuối tăn?...?</i>	?...)

[NL; 581, 582, 583]

Sự kết hợp giữa những đoạn then có tính chất đối
đáp với đoạn then có tính chất một chiều làm cho kết
cấu những khúc then biến đổi linh hoạt thành một lễ
then không đơn điệu mà rất hấp dẫn, sinh động.

Như vậy, có thể thấy trong then phổ biến nhất
vẫn là những khúc hát có **kết cấu một chiều** (gồm
16 khúc hát), ở mức ít hơn là **kết cấu trung gian**
(gồm 13 khúc) và ít phổ biến hơn cả là **kết cấu đối
đáp** (2 khúc). Những khúc hát dài ngắn đan xen nói
lên phần nào về lối nói năng linh hoạt của người
Tây. Bên cạnh đó, người Tây còn thể hiện sự sáng
tạo phong phú trong cách thể hiện rất hấp dẫn. Sự
đan xen kết hợp giữa lời miêu tả, tự sự với lối đối
đáp ngắn gọn, cương quyết pha lẫn sự hài hước...
làm cho lễ then vừa linh thiêng vừa sinh động tung
bùng như ngày hội. Ba dạng kết cấu (**một chiều, đối
đáp và trung gian**) làm cho then Tây luôn hấp dẫn,
lôi cuốn. Ngoài ra, những khúc hát có yếu tố cốt
truyện li kì về số phận con người, về lịch sử người
Tây, về các vị thần khiến cho người nghe hồi hộp,
theo dõi rất chăm chú.

4. Kết cấu trong một tác phẩm văn học là vô cùng
phong phú. Qua tìm hiểu, có thể có một số nhận xét
như sau:

Thứ nhất, ba dạng kết cấu đặc trưng trong then là
một chiều, đối đáp, trung gian được kết hợp linh hoạt

trong then (trong đó kết cấu một chiều là phổ biến
hơn cả, 16/31 khúc hát) làm cho then mang dáng vẻ
một loại hình nghệ thuật mang tính nguyên hợp rõ
nhất và thiên hướng kể lể.

Thứ hai, có thể thấy trình tự diễn xướng trong
nghĩ lễ then nói chung tuân theo mô thức nhất định
mà các thầy cúng gọi là “khoa”, và có liên quan đến
điều này là kết cấu văn bản. Điều đó góp phần làm
nên tính trình tự của nghi lễ từ đầu đến cuối, từ thấp
đến cao, có trước có sau theo thứ tự: mở đầu, nội
dung, và kết thúc nghi lễ. Kết cấu của văn bản then
góp phần chuyên chở và làm nổi bật cốt truyện,
mang đến tính hài, vừa khắc họa hình ảnh lại vừa tạo
nên tính nhạc, làm cho nhiều khúc then giống như
câu chuyện kể nhiều tình tiết, đa dạng và đa thanh,
hấp dẫn, li kì, và ngoài ra còn mang đậm chất linh
thiêng huyền bí.

Tài liệu tham khảo

1. Nguyễn Nhã Bản (2005), *Đặc trưng của cấu trúc ngữ - nghĩa của thành ngữ - tục ngữ trong ca dao*, Nxb Văn hóa dân tộc, H.
2. Nông Quốc Chấn (1978), *Then một số hình thức biểu diễn tổng hợp Tây - Nùng*, Nxb Văn hóa dân tộc, H.
3. Lê Bá Hán, Trần Đình Sử, Nguyễn Khắc Phi (2009), *Từ điển thuật ngữ văn học*, Nxb Giáo dục, H.
4. Đỗ Đức Hiểu (chủ biên) (2004), *Từ điển văn học*, Nxb Thế giới, H.
5. Vũ Ngọc Khánh (1997), *Văn hóa tín ngưỡng Tây - Nùng*, Viện Văn hóa dân gian Việt Nam, H.
6. Hoàng Ngọc La (chủ biên) (2002), *Văn hóa dân gian Tây*, Sở Văn hóa Thông tin Thái Nguyên, TN.
7. Hoàng Văn Ma, Lục Văn Pảo (2005), *Từ điển Tây - Nùng - Việt*, Nxb Từ điển Bách khoa Hà Nội, H.
8. Nguyễn Xuân Nam (1983), “*Kết cấu*”, *Từ điển văn học* - 2 tập, Nxb Khoa học xã hội, H.
9. Nông Thị Ninh (2004), *Nét chung và riêng trong diễn xướng hát Then của Tây - Nùng*, Nxb Văn hóa dân tộc, H.
10. Lục Văn Pảo (1996), *Bộ Then từ bách*, Nxb Văn hóa dân tộc, H.

NGŨ LIỆU

Triều Ân (2000), *Then Tây những khúc hát*, Nxb Văn hóa dân tộc, H.

(Ban Biên tập nhận bài ngày 06-05-2012)